

QUỐC HỘI

Nghị quyết số: 49/2010/QH12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ QUYẾT
VỀ DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG QUỐC GIA
TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Căn cứ Luật tổ chức Quốc hội số 30/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2007/QH11;

Sau khi xem xét Tờ trình số 61/TTr-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số 1544/BC-UBKT12 ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban kinh tế của Quốc hội và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về tiêu chí dự án, công trình quan trọng quốc gia đầu tư tại Việt Nam và đầu tư ra nước ngoài trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư (sau đây gọi tắt là dự án, công trình quan trọng quốc gia); trình tự, thủ tục, nội dung hồ sơ Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dự án, công trình quan trọng quốc gia* là dự án đầu tư, dự án công trình độc lập hoặc một cụm công trình liên kết chặt chẽ với nhau có tiêu chí quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị quyết này.

2. *Vốn nhà nước* bao gồm vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước và vốn khác do Nhà nước quản lý.

3. *Một cụm công trình liên kết chặt chẽ với nhau* là cụm công trình gồm một hoặc một số công trình chính và các công trình khác có mối liên kết về kinh tế - kỹ thuật mà nếu không đầu tư công trình chính sẽ không đầu tư các công trình khác đó.

Điều 3. Tiêu chí về dự án, công trình quan trọng quốc gia đầu tư tại Việt Nam trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư

Dự án, công trình đầu tư tại Việt Nam có một trong các tiêu chí sau đây là dự án, công trình quan trọng quốc gia:

1. Tổng vốn đầu tư từ ba mươi lăm nghìn tỷ đồng trở lên, trong đó vốn nhà nước từ mười một nghìn tỷ đồng trở lên;

2. Dự án, công trình có ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, bao gồm:

a) Nhà máy điện hạt nhân;

b) Dự án, công trình sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học từ 50 héc-ta (ha) trở lên; rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50 héc-ta (ha) trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, chắn sóng lân biên, bảo vệ môi trường từ 500 héc-ta (ha) trở lên; rừng sản xuất từ 1000 héc-ta (ha) trở lên;

3. Dự án, công trình sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 héc-ta (ha) trở lên;

4. Dự án, công trình phải di dân tái định cư từ hai mươi nghìn người trở lên ở miền núi, từ năm mươi nghìn người trở lên ở các vùng khác;

5. Dự án, công trình đầu tư tại địa bàn có di tích quốc gia có giá trị đặc biệt quan trọng về lịch sử, văn hóa; danh lam thắng cảnh được xếp hạng cấp quốc gia;

6. Dự án, công trình đầu tư tại địa bàn đặc biệt quan trọng đối với quốc gia về quốc phòng, an ninh.

Chính phủ quy định tiêu chí địa bàn đặc biệt quan trọng đối với quốc gia về quốc phòng, an ninh sau khi xin ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

7. Dự án, công trình đòi hỏi phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định.

Điều 4. Tiêu chí về dự án, công trình quan trọng quốc gia đầu tư ra nước ngoài trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư

Dự án, công trình đầu tư ra nước ngoài có một trong các tiêu chí sau đây là dự án, công trình quan trọng quốc gia:

1. Tổng vốn đầu tư ra nước ngoài từ hai mươi nghìn tỷ đồng trở lên, trong đó vốn nhà nước đầu tư ra nước ngoài từ bảy nghìn tỷ đồng trở lên;

2. Dự án, công trình đòi hỏi phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định.

Điều 5. Hồ sơ dự án, công trình quan trọng quốc gia

Hồ sơ dự án, công trình quan trọng quốc gia do Chính phủ trình Quốc hội bao gồm:

1. Tờ trình của Chính phủ;
2. Báo cáo đầu tư (Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi);
3. Báo cáo của Hội đồng thẩm định nhà nước;
4. Tài liệu khác có liên quan.

Trường hợp dự án, công trình có tổng vốn đầu tư rất lớn, thời gian thực hiện kéo dài trong nhiều năm thì sau khi Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư chung trên cơ sở báo cáo đầu tư (báo cáo nghiên cứu tiền khả thi), Quốc hội có thể giao Chính phủ tổ chức lập dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi) để trình Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư cụ thể.

Điều 6. Thủ tục và nội dung thẩm tra của cơ quan có liên quan của Quốc hội

Hồ sơ của Chính phủ về dự án, công trình quan trọng quốc gia phải được cơ quan có liên quan của Quốc hội thẩm tra. Thủ tục và nội dung thẩm tra được quy định như sau:

1. Chậm nhất là 60 ngày, trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi hồ sơ đến cơ quan thẩm tra để tiến hành thẩm tra;

2. Cơ quan thẩm tra có quyền yêu cầu chủ đầu tư, cơ quan lập dự án, cơ quan thẩm định dự án báo cáo về những vấn đề thuộc nội dung dự án, công trình quan trọng quốc gia; tự mình hoặc cùng chủ đầu tư, cơ quan lập dự án khảo sát thực tế về những vấn đề thuộc nội dung dự án, công trình quan trọng quốc gia. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan thẩm tra yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm tra dự án, công trình quan trọng quốc gia;

3. Đối với dự án, công trình quan trọng quốc gia đầu tư tại Việt Nam, cơ quan thẩm tra tiến hành thẩm tra những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Sự đáp ứng tiêu chí xác định dự án, công trình là dự án, công trình quan trọng quốc gia;

b) Sự cần thiết đầu tư;

c) Việc tuân thủ các quy định của pháp luật;

d) Sự phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; quy hoạch sử dụng đất, tài nguyên; phương án di dân, tái định canh, định cư;

đ) Những thông số cơ bản của dự án, công trình, bao gồm quy mô, hình thức đầu tư, địa điểm, diện tích đất cần sử dụng, thời gian, tiến độ thực hiện, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường, nguồn vốn, khả năng thu hồi vốn và trả nợ vốn vay;

e) Hiệu quả kinh tế - xã hội;

4. Đối với dự án, công trình quan trọng quốc gia đầu tư ra nước ngoài, cơ quan thẩm tra tiến hành thẩm tra những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Sự đáp ứng tiêu chí xác định dự án, công trình là dự án, công trình quan trọng quốc gia;

b) Sự cần thiết đầu tư;

c) Việc tuân thủ các quy định của pháp luật;

d) Mức độ rủi ro tại quốc gia đầu tư;

đ) Những thông số cơ bản của dự án, công trình, bao gồm quy mô, hình thức đầu tư, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, nguồn vốn, khả năng thu hồi vốn và trả nợ vốn vay;

e) Hiệu quả kinh tế.

Điều 7. Trách nhiệm của Chính phủ và các thành viên của Hội đồng thẩm định nhà nước

1. Chính phủ chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ trình Quốc hội đối với dự án, công trình quan trọng quốc gia.

2. Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thẩm định nhà nước chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến, đề xuất của mình.

Điều 8. Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định chủ trương đầu tư

1. Căn cứ vào các tiêu chí quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị quyết này, Chính phủ trình dự án, công trình quan trọng quốc gia để Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư sau khi có ý kiến thẩm tra của cơ quan có liên quan của Quốc hội và đã báo cáo với Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Quốc hội xem xét và thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư đối với từng dự án, công trình quan trọng quốc gia. Trường hợp dự án, công trình có tổng vốn đầu tư rất lớn, thời gian thực hiện kéo dài trong nhiều năm thì Quốc hội có thể xem xét, quyết định chủ trương đầu tư chung, sau đó trên cơ sở dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi), Quốc hội sẽ quyết định chủ trương đầu tư cụ thể. Nội dung Nghị quyết ghi rõ quy mô, tổng vốn đầu tư; công nghệ chính đối với dự án, công trình đầu tư tại Việt Nam; địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện dự án, công trình; cơ chế, chính sách đặc biệt được áp dụng (nếu có).

3. Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội về dự án, công trình quan trọng quốc gia, Chính phủ có trách nhiệm triển khai thực hiện.

4. Khi có thay đổi mục tiêu hoặc phát sinh tăng vốn đầu tư trên 10% so với tổng vốn đầu tư hoặc kéo dài thời gian thực hiện dự án, công trình quan trọng quốc gia từ 01 năm trở lên, Chính phủ phải báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp gần nhất.

Điều 9. Giám sát việc thực hiện dự án, công trình quan trọng quốc gia

1. Hằng năm hoặc khi Quốc hội có yêu cầu, Chính phủ báo cáo Quốc hội về tình hình thực hiện các dự án, công trình quan trọng quốc gia để Quốc hội thực hiện quyền giám sát.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện dự án, công trình quan trọng quốc gia.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2010.

2. Nghị quyết số 66/2006/QH11 về dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

3. Dự án thành phần trong dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư; dự án, công trình khác đang trong quá trình triển khai thực hiện mà phát sinh vấn đề thuộc một trong các tiêu chí quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị quyết này cũng phải trình Quốc hội xem xét, quyết định phù hợp với thực tế.

Những dự án, công trình quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết của Quốc hội về dự án, công trình đó.

4. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2010.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



Nguyễn Phú Trọng